

Thứ sáu, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/11/2020		•	
Tuần 16/11-20/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục có một phiên tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và hiện đang ở trên ngưỡng 965 điểm. Dòng tiền đầu tư có sự giảm nhẹ nhưng vẫn có 14/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã mua ròng trở lại trên sàn HSX nhưng vẫn đang bán ròng trên sàn HNX. Độ rộng thị trường ở trong trạng thái tích cực đồng thời thanh khoản thị trường cũng gia tăng so với phiên trước cho thấy tâm lý các nhà giao dịch trong thời điểm hiện tại là tương đối lạc quan. Mặc dù vậy, theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ xuất hiện áp lực chốt lời tại khu vực quanh 970 điểm nhưng sự điều chỉnh có thể không mạnh như giai đoạn cuối tháng 10.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.1%

Phân tích kỹ thuật: VCB_Tích lũy(Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +7.01 điểm, đóng cửa 966.29. HNX-Index +0.12 điểm, đóng cửa 144.74.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.01); CTG (+1); BID (+0.79); TCB (+0.7); VIC (+0.56).
- Kéo chỉ số giảm: MSN (-0.94); HNG (-0.07); BCM (-0.06); DHG (-0.05); SVC (-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 7,173 tỷ đồng, +28.89% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.16 điểm. Thị trường có 279 mã tăng, 68 mã tham chiếu và 146 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 221.81 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VJC (280.8 tỷ), VHM (51.3 tỷ) và VRE (38.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -6.7 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	966.29
Giá trị: 7173.99 tỷ	7.01 (0.73%)
Khối ngoại (ròng): 221.81 tỷ	

HNX-INDEX	144.74
Giá trị: 480.7 tỷ	0.12 (0.08%)
Khối ngoại (ròng): -6.7 tỷ	

UPCOM-INDEX	64.70
Giá trị: 0.31 tỷ	0.18 (0.28%)
Khối ngoại (ròng): -25.53 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.4	-1.78%
Giá vàng	1,878	0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,176	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,389	0.27%
Tỷ giá JPY/VND	22,056	0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	31.38%
LS TPCP 5 năm	1.3%	-1.12%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	280.8	CTG	103.9
VHM	51.3	HDB	54.8
VRE	38.7	VNM	23.3
MBB	23.8	MSN	15.7
GAS	21.7	SSI	10.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.1%	3.4%	5.0%	4.7%	19.2%	6.0%	30.7%
VN FinSelect	1.7%	3.2%	4.9%	4.8%	18.6%	5.8%	29.2%
Ngân Hàng	1.7%	4.3%	6.4%	10.5%	33.6%	22.0%	32.5%
Xây dựng	1.4%	6.9%	11.0%	8.6%	33.1%	23.1%	29.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.2%	5.2%	6.8%	9.9%	29.4%	9.4%	29.1%
Đầu tư công	1.2%	7.1%	10.5%	8.8%	35.9%	28.2%	24.9%
VN Diamond	1.2%	2.8%	4.3%	6.1%	22.1%	0.5%	30.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.0%	3.7%	5.5%	9.7%	26.7%	1.7%	31.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.8%	4.0%	5.5%	4.1%	20.0%	6.2%	24.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	2.5%	3.6%	6.3%	22.7%	7.6%	27.0%
Nước & Năng lượng	0.7%	3.8%	4.9%	1.3%	17.5%	5.7%	25.0%
FTSE Việt Nam	0.7%	2.1%	2.2%	6.6%	16.5%	4.0%	24.5%
Corona Avengers	0.7%	6.8%	10.7%	8.4%	26.6%	22.0%	33.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.7%	3.9%	5.0%	11.2%	30.0%	15.5%	26.6%
EVFTA	0.5%	6.1%	9.7%	7.4%	8.5%	8.5%	19.4%
Vật liệu Xây dựng	0.5%	3.9%	4.3%	7.3%	28.7%	25.7%	27.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	2.4%	3.3%	9.5%	19.7%	3.6%	24.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	5.4%	8.6%	11.9%	31.7%	23.6%	29.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	6.5%	11.7%	10.0%	32.5%	33.5%	28.3%
Dầu khí	0.3%	6.2%	8.0%	1.7%	14.4%	-12.6%	37.7%
Chiến tranh thương mại	0.3%	5.8%	8.8%	10.2%	35.4%	17.2%	30.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	4.2%	5.7%	4.5%	24.3%	27.1%	20.9%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.1%	2.1%	3.2%	4.0%	18.8%	8.8%	20.7%
Lãi suất giảm	-0.5%	5.4%	12.4%	10.2%	35.9%	31.7%	31.5%
Stay-at-home	-0.9%	3.7%	10.4%	8.4%	31.1%	37.1%	32.5%
Hàng tiêu dùng	-1.0%	2.6%	8.3%	15.3%	36.4%	25.1%	28.5%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.2%	4.3%	6.1%	8.9%	29.3%	12.2%	29.7%
L32	1.1%	4.4%	6.3%	15.1%	32.0%	6.6%	30.1%
M22	1.1%	3.7%	5.0%	6.8%	21.5%	15.1%	25.3%
S32	0.9%	5.4%	8.5%	13.5%	32.3%	7.2%	32.9%
M12	0.8%	3.4%	5.4%	8.6%	21.6%	8.3%	25.0%
S21	0.7%	5.5%	6.9%	8.4%	31.1%	13.3%	27.1%
L11	0.6%	2.8%	3.3%	4.4%	20.5%	7.0%	23.9%
S11	0.6%	4.1%	6.7%	10.5%	29.9%	28.9%	25.1%
L22	0.4%	3.5%	5.3%	5.8%	26.4%	7.3%	27.1%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.9%	2.5%	4.1%	5.0%	17.1%	5.0%	25.0%
HIGH3	0.8%	4.4%	5.6%	9.8%	27.0%	10.2%	27.9%
MID1	0.3%	3.7%	6.3%	8.4%	30.2%	25.7%	25.0%

INDEX							
VNINDEX	0.7%	3.0%	4.4%	6.7%	17.1%	0.6%	23.8%
VN30INDEX	0.9%	3.1%	4.3%	8.5%	20.9%	5.9%	25.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	11	15	20	6	20	6
Mục tiêu	9	5	4	8	1	8	1
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.29	-2.02%	8.50%	-2.50%	-24.51%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.80	-1.68%	8.50%	-2.10%	-27.02%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	113.46	-1.94%	4.60%	-3.80%	-24.01%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1878.91	0.11%	-3.70%	-1.20%	29.18%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.22	-0.25%	-5.40%	-0.20%	42.78%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1143.00	-0.22%	3.80%	8.10%	19.62%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	593.25	-0.67%	-2.60%	-1.20%	8.50%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.38	-0.43%	-1.70%	1.20%	5.81%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	216.38	-2.09%	0.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.92	2.97%	3.00%	6.50%	8.67%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.95	0.89%	4.10%	0.30%	-7.61%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6934.00	0.71%	1.20%	3.60%	19.30%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	578.62	-0.35%	1.40%	7.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	594.62	-0.20%	0.30%	5.90%			
Nhôm	USD/ton	1930.00	0.63%	1.70%	3.90%	10.86%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	124.99	-1.54%	4.70%	4.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.80	0.56%	0.20%	9.00%	-16.32%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 27 US cent xuống 43.53 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 33 US cent xuống 41.12 USD/thùng.
- Tồn kho dầu thô của Mỹ tăng 4.3 triệu thùng trong tuần trước
- OPEC+ dự kiến trì hoãn kế hoạch gia tăng nguồn cung trong tháng 1/2021 do triển vọng đang suy yếu. Họ đang xem xét việc giảm mức cắt giảm nguồn cung xuống còn 5.7 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,877.36 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.6% lên 1,873.3 USD.
- Số lượng người Mỹ xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm nhưng tốc độ sụt giảm chậm lại và sự cải thiện đang bị hạn chế bởi đại dịch Covid-19 đang hoành hành.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.2% lên 836 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 0.2% xuống 3,832 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.7% xuống 3,924 CNY/tấn.
- Cơ quan kế hoạch nhà nước Trung Quốc cho biết họ đã phê duyệt dự án đường sắt cao tốc với tổng vốn đầu tư 85.1 tỷ CNY.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka tăng 12.6 JPY hay 5.7% lên 232.5 JPY (2.21 USD)/kg.Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 3.2% đóng cửa tại 14,490 CNY/tấn.
- Doanh số bán ô tô của Trung Quốc - thị trường ô tô và tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới – là mạnh mẽ cũng hỗ trợ giá, lượng mua tăng 12.5% so với một năm trước trong tháng 10.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 1 US cent hay 0.9% lên 1.101 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London tăng 20 USD hay 1.44% lên 1,413 USD/tấn.
- Brazil đã xuất khẩu 4.1 triệu bao cà phê trong tháng 10, nhiều hơn 11.5% so với cùng kỳ năm trước và là kỷ lục trong một tháng.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.47 US cent hay 3.3% lên 14.92 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 9.5 USD hay 2.4% lên 406.9 USD/tấn.
- Giá gạo Việt Nam 5% tấm tăng lên 495 – 500 USD/tấn từ mức 493 – 497 USD trong tuần trước. Nguồn cung trong nước thấp và vụ thu hoạch thu đông sẽ kết thúc trong tháng này. Gạo 5% tấm của Thái Lan tăng lên 470 – 485 USD/tấn từ mức 455 - 458 USD một tuần trước. Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ không đổi ở mức 366 – 370 USD/tấn, thấp nhất kể từ cuối tháng 3.

	13/11	% 13/11	12/11	% 12/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	966.29	0.73%	959.28	0.74%	2.98%	2.78%
S&P 500			3537.01	-1.00%	0.76%	0.71%
HĐTL S&P500	3546.00	0.38%	3532.50	-0.99%	1.29%	1.87%
Shang- hai	3310.10	-0.86%	3338.68	-0.11%	-0.06%	-0.92%
Euro Stoxx	3419.28	-0.26%	3428.20	-1.13%	6.72%	4.46%

Phân tích kỹ thuật

VCB_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VCB đang ở trong trạng thái tích lũy trung hạn trong khu vực 82-88 trong 3 tháng trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo RSI vẫn còn cách khá xa vùng quá mua nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VCB nằm tại xung quanh giá 85.5. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại mức 96, cắt lỗ nếu ngưỡng 84.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo VCB sẽ ghi nhận TOI = 51,152 tỷ VND (+11.8% yoy) và PBT = 25,486 tỷ VND (+10.2% yoy), BVPS 2020 ở mức 25,963 VND/cp.

Catalyst

- (1) Chất lượng tài sản tốt
- (2) Ghi nhận từ bancassurance trong Q4/2020

Rủi ro Đầu tư

Dịch bệnh làm ảnh hưởng chất lượng tài sản

Cập nhật KQKD

Đánh giá nhu cầu về cho vay cá nhân vẫn đang ở mức cao do có base khách hàng tốt + lãi suất cho vay thấp, cho vay mortgage +10% yoy trong 1H2020. Trong năm 2020, tổng gói hỗ trợ 300,000 tỷ VND, lãi suất giảm 1.5% - 2.5% (tính đến hết 1H2020: đã giải ngân hơn 200,000 tỷ VND). Hiện tại chưa có kế hoạch tăng tổng gói hỗ trợ lên.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express VCB 2020Q3**

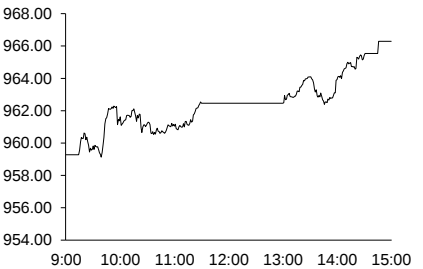
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-0.49%
Thực phẩm và đồ uống	-0.24%
Y tế	-0.09%
Truyền thông	-0.06%
Bán lẻ	-0.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.11%
Hóa chất	0.20%
Xây dựng và Vật liệu	0.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.35%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.39%
Dầu khí	0.44%
Du lịch và Giải trí	0.45%
Công nghệ Thông tin	0.60%
Dịch vụ tài chính	0.71%
Bất động sản	0.72%
Ngân hàng	1.44%
Viễn thông	1.48%
Tài nguyên Cơ bản	1.49%
Bảo hiểm	1.51%

Hình 1

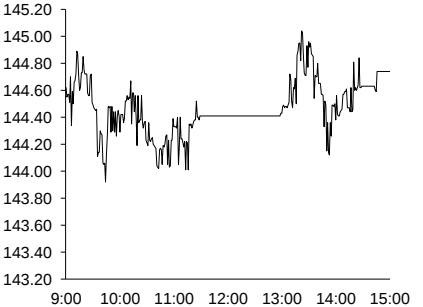
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

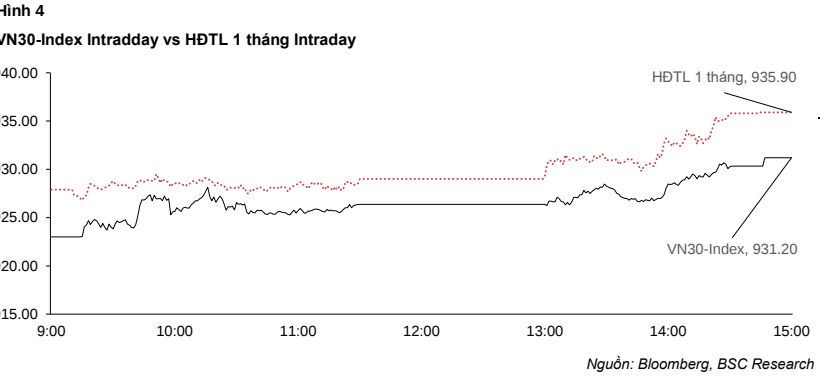
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/12/2020	HBC	11.15	14	10	11.15	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	15.1	3	5.59%	Có thể tiếp tục mua
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	13.6	4	2.26%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	13.7	7	8.73%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	25.05	8	6.82%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	17	10	9.68%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	25.15	11	2.65%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	111.1	14	6.11%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2020	IMP	49	58	46	52.5	15	7.14%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	39.35	16	-0.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.75	17	1.85%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	25.2	22	2.44%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53.8	28	1.13%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	16.15	43	5.56%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.4	45	-1.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.5	49	1.32%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.85	52	3.49%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.35	53	3.61%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	54.5	57	2.25%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.6	60	4.19%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.1	63	4.15%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	26.3	64	10.50%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.7	78	-2.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35.6	142	16.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.3	150	4.54%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/21/2020	DHC	46	52	44	TP	23	13.04%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	22	3	5.00%	-1.57%	4.21%	40
Cổ phiếu đã chốt	52	35	12.11%	-7.57%	4.19%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	935.90	0.86%	4.70	-15.6%	90,068	11/19/2020	6
VN30F2012	934.20	1.02%	3.00	-19.5%	530	12/17/2020	34
VN30F2103	933.00	1.02%	1.80	5.0%	42	3/18/2021	125
VN30F2106	929.20	0.67%	-2.00	-22.0%	39	6/17/2021	216

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +8.20 điểm, lên 931.20 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MBB, HPG, CTG tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 tăng tích cực trong phần lớn thời gian giao dịch lên trên 930 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra lại 940 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2002	12/16/2020	33	1:1	385,860	44.30%	1,700	2,300	15.00%	2,157	1.07	13,588	11,888	13,900
CMBB2007	1/14/2021	62	2:1	913,090	34.95%	1,400	2,750	13.64%	1,340	2.05	17,217	14,783	19,300
CTCB2009	3/30/2021	137	1:1	227,210	38.05%	4,400	3,390	12.62%	2,837	1.19	26,400	22,000	23,000
CVPB2008	1/14/2021	62	2:1	417,890	43.89%	1,800	1,710	11.76%	1,668	1.03	25,600	22,000	24,500
CTCB2007	1/14/2021	62	2:1	541,780	38.05%	1,700	2,060	10.16%	1,736	1.19	23,400	20,000	23,000
CDPM2002	12/16/2020	33	1:1	256,480	42.98%	1,700	4,310	9.11%	2,726	1.58	16,952	15,252	17,800
CHPG2017	2/18/2021	97	4:1	877,320	37.23%	1,000	1,310	8.26%	1,104	1.19	32,888	28,888	31,950
CTCB2010	4/1/2021	139	2:1	732,090	38.05%	2,000	1,830	7.65%	1,569	1.17	25,500	21,500	23,000
CSTB2007	4/27/2021	165	2:1	473,230	44.30%	1,500	1,970	6.49%	1,824	1.08	13,999	10,999	13,900
CHPG2018	5/14/2021	182	4:1	841,470	37.23%	1,200	1,510	5.59%	1,175	1.28	34,799	29,999	31,950
CHPG2022	5/4/2021	172	2:1	449,840	37.23%	2,100	3,630	5.22%	3,262	1.11	31,200	27,000	31,950
CHPG2015	3/1/2021	108	1:1	91,050	37.23%	6,700	13,380	5.19%	6,312	2.12	33,200	26,500	31,950
CHPG2016	1/14/2021	62	2:1	432,970	37.23%	2,200	5,930	5.14%	2,513	2.36	31,900	27,500	31,950
CHPG2014	4/19/2021	157	1:1	247,400	37.23%	7,200	13,740	4.17%	6,756	2.03	33,700	26,500	31,950
CHPG2023	1/12/2021	60	1:1	199,710	37.23%	2,100	4,300	3.12%	4,208	1.02	30,600	28,500	31,950
CMWG2010	1/14/2021	62	10:1	532,420	41.98%	1,400	3,200	0.31%	2,999	1.07	94,672	80,865	111,100
CVJC2005	2/8/2021	87	10:1	746,980	30.14%	2,000	1,790	-1.10%	1,541	1.16	120,000	100,000	112,700
CTCH2002	2/18/2021	97	4:1	942,640	47.75%	1,100	740	-1.33%	214	3.45	26,177	21,777	18,650
CMSN2009	5/14/2021	182	10:1	262,450	36.38%	1,200	3,360	-7.69%	3,005	1.12	73,999	61,999	90,100
CMSN2001	12/16/2020	33	5:1	218,110	36.38%	2,300	5,280	-10.51%	4,919	1.07	77,289	65,789	90,100
Tổng				9,789,990	38.89%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- CMSN2012 và CTCB2005 tăng mạnh lần lượt là 19.39% và 18.64% Trái lại, CMSN2008 và CNVL2001 giảm mạnh lần lượt là -11.87% và -11.54%. Giá trị giao dịch tăng 3.83%. CHPG2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.18% thị trường.
- CVPB2006, CVPB2009, CPNJ2007, CHPG2019, và CSTB2008 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	111.1	0.0%	1.2	2,186	3.3	8,517	13.0	3.3	49.0%	29.0%	
PNJ	Bán lẻ	73.8	0.3%	1.2	722	2.0	4,592	16.1	3.4	48.9%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	55.2	2.2%	1.5	1,782	2.9	1,731	31.9	2.0	28.5%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	29.0	0.3%	0.3	282	0.0	2,729	10.6	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	107.4	0.6%	0.8	15,794	2.5	2,660	40.4	4.2	13.8%	11.0%	
VRE	Bất động sản	27.2	0.0%	1.1	2,687	4.0	1,001	27.2	2.2	30.0%	8.1%	
VHM	Bất động sản	78.3	1.4%	1.2	11,199	8.2	6,895	11.4	3.4	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	13.7	1.5%	1.4	309	5.3	(151)	N/A	N/A	1.1	35.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.8	1.7%	1.3	465	3.2	1,834	9.7	1.1	49.6%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	42.1	-0.9%	1.0	303	1.6	3,770	11.2	1.7	26.7%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	22.9	1.3%	1.6	304	2.9	1,705	13.4	1.6	48.9%	11.8%	
FPT	Công nghệ	53.8	0.6%	0.8	1,834	3.1	4,236	12.7	2.8	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	51.4	-0.2%	0.4	611	0.0	4,812	10.7	2.7	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	73.5	0.1%	1.4	6,116	2.9	4,752	15.5	3.0	3.0%	19.7%	
PLX	Dầu khí	48.8	0.4%	1.5	2,586	1.0	682	71.6	2.9	16.0%	4.3%	
PVS	Dầu khí	15.1	1.3%	1.5	314	7.0	1,621	9.3	0.6	10.3%	6.3%	
BSR	Dầu khí	7.0	0.0%	0.8	944	0.3	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	102.5	-1.3%	0.5	583	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.8	0.8%	0.4	303	4.0	2,011	8.9	0.9	12.3%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.7	0.0%	0.5	291	1.7	872	14.5	1.0	3.8%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	86.9	0.6%	1.1	14,013	1.6	4,630	18.8	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	40.3	1.8%	1.3	7,047	3.2	2,126	19.0	2.1	17.3%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	32.0	3.1%	1.2	5,172	14.7	2,948	10.8	1.4	29.3%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	24.5	2.7%	1.2	2,597	7.6	4,111	6.0	1.2	23.1%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	19.3	3.2%	1.1	2,327	13.4	2,995	6.4	1.2	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	26.5	0.4%	0.9	2,490	7.2	3,109	8.5	1.7	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	54.7	0.0%	0.8	195	0.4	6,186	8.8	1.9	80.8%	20.7%	
NTP	Nhựa	32.6	-0.3%	0.4	167	0.1	3,820	8.5	1.4	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.5	-1.9%	0.4	667	0.2	356	43.5	1.2	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	32.0	1.6%	1.2	4,603	16.8	3,241	9.9	1.9	33.6%	21.3%	
HSG	Thép	18.1	1.4%	1.5	349	7.6	2,591	7.0	1.2	10.9%	19.1%	
VNM	Tiêu dùng	107.4	0.4%	0.8	9,758	5.1	4,784	22.5	7.6	58.0%	35.3%	
SAB	Tiêu dùng	185.0	0.9%	0.8	5,158	0.3	6,312	29.3	6.0	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	90.1	-3.2%	1.1	4,602	4.3	2,067	43.6	5.1	34.1%	8.9%	
SBT	Tiêu dùng	16.2	-0.3%	0.9	412	2.7	702	23.0	1.3	5.9%	5.5%	
ACV	Vận tải	69.0	1.2%	0.8	6,531	1.2	3,450	20.0	4.1	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	112.7	0.0%	1.1	2,567	2.4	(1,528)	N/A	N/A	4.2	17.4%	-5.6%
HVN	Vận tải	27.2	1.3%	1.7	1,674	1.7	(7,345)	N/A	N/A	5.7	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	26.3	0.0%	0.9	340	1.2	1,179	22.3	1.3	49.0%	5.8%	
PVT	Vận tải	14.8	0.3%	1.2	180	2.4	1,966	7.5	0.9	17.2%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	76.0	-0.5%	1.0	513	0.6	8,260	9.2	3.2	2.9%	39.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	-0.2%	0.7	450	0.1	1,411	16.4	1.6	7.7%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	-0.6%	0.9	274	0.6	1,762	9.4	1.1	5.9%	11.9%	
CTD	Xây dựng	61.6	-0.6%	1.0	204	2.4	7,504	8.2	0.6	46.3%	6.9%	
CII	Xây dựng	17.1	0.0%	0.3	178	0.8	114	149.8	0.8	31.5%	0.5%	
REE	Điện	44.5	0.0%	-1.4	600	0.6	4,599	9.7	1.3	49.0%	13.7%	
PC1	Điện	25.0	0.6%	-0.4	173	0.5	2,689	9.3	1.0	14.0%	11.8%	
POW	Điện	10.0	0.4%	0.6	1,018	1.7	679	14.7	0.8	9.6%	5.8%	
NT2	Điện	23.2	-0.4%	0.6	290	0.1	2,103	11.0	1.6	19.4%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	14.4	0.7%	0.8	293	0.7	879	16.3	0.7	18.1%	4.4%	
BCM	Khu công nghiệp	39.0	-1%	1.0	1,755	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	78.30	1.42	1.02	2.43MLN
CTG	31.95	3.06	0.98	10.71MLN
BID	40.30	1.77	0.78	1.83MLN
TCB	23.00	3.14	0.68	22.38MLN
VIC	107.40	0.56	0.56	535350

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.98	1.09MLN	1.11MLN
HNG	0.00	-0.08	1.12MLN	607060
BCM	0.00	-0.06	20520.00	373600
DHG	0.00	-0.05	3300.00	192700
SVC	-0.01	-0.04	1810	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASM	9.69	6.95	0.05	4.98MLN
FLC	4.62	6.94	0.06	43.52MLN
POM	6.51	6.90	0.03	78410
RIC	4.65	6.90	0.00	840
TIX	31.00	6.90	0.02	150

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CDC	22.85	-13.12	-0.02	33680
TLD	6.82	-6.96	-0.01	1.86MLN
COM	48.40	-6.92	-0.01	430.00
CMV	13.20	-6.71	0.00	10
TPC	6.91	-6.62	0.00	580

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

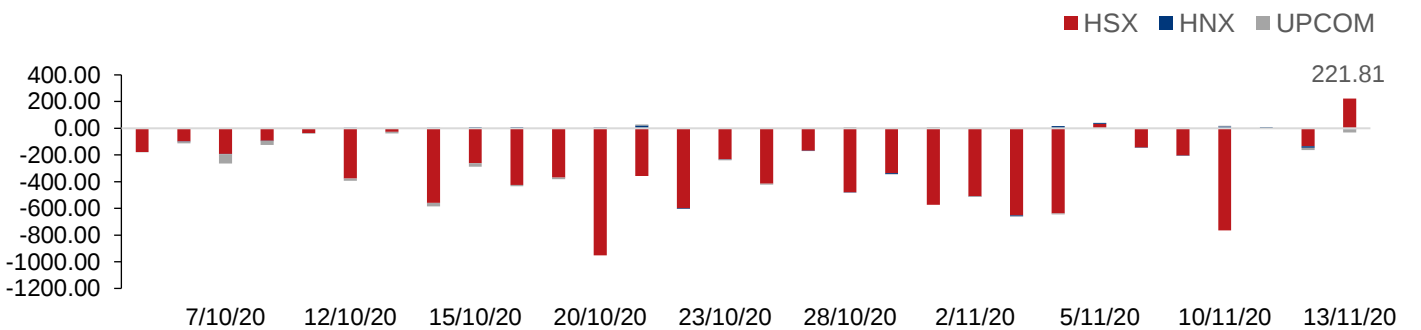
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	26.50	0.38	0.20	6.22MLN
VCG	41.70	0.97	0.08	243800.00
PVS	15.10	1.34	0.05	10.88MLN
VIX	14.90	1.36	0.02	2.42MLN
SHS	13.60	0.74	0.02	2.29MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.30	-1.14	-0.28	3.70MLN
NVB	8.50	-2.30	-0.08	1.70MLN
SJ1	20.70	-10.00	-0.02	100
CEO	7.10	-1.39	-0.02	635000
L14	53.50	-1.47	-0.01	44800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APP	3.30	10.0	0.00	600
BII	1.10	10.0	0.00	150600
CTT	11.00	10.0	0.00	3600
QTC	17.60	10.0	0.00	100
STP	6.60	10.0	0.00	700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCO	1.80	-10.00	0.00	3800
SJ1	20.70	-10.00	-0.02	100
CKV	12.70	-9.93	0.00	100
NBW	25.60	-9.86	-0.01	100
SDC	11.90	-9.85	0.00	100

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.0	3,450	20.0	4.1	Click
2	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	13.7	-151	#N/A N/A	1.1	Click
3	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.8	1,928	12.9	1.5	Click
4	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	12.2	#N/A N/A	#N/A N/A	0.9	Click
5	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	32.0	3,241	9.9	1.9	Click
6	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	73.8	4,592	16.1	3.4	Click
7	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.2	1,001	27.2	2.2	Click
8	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	16.2	702	23.0	1.3	Click
9	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	18.1	2,591	7.0	1.2	Click
10	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	53.8	4,236	12.7	2.8	Click
11	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.8	2,011	8.9	0.9	Click
12	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.3	5,479	8.5	2.3	Click
13	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	32.0	2,948	10.8	1.4	Click
14	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	185.0	6,312	29.3	6.0	Click
15	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	26.9	2,528	10.6	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	86.9	4,630	18.8	3.4	Click
17	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	11.9	0	20.3	0.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	14.4	879	16.3	0.7	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	107.4	4,784	22.5	7.6	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	111.1	8,517	13.0	3.3	Click
21	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.5	885	9.6	0.7	Click
22	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	45.5	5,130	8.9	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.8	2,066	12.0	1.8	Click
24	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.4	2,627	10.8	1.5	Click
25	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.5	4,111	6.0	1.2	Click
26	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	42.0	13,673	3.1	1.1	Click
27	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	90.1	2,067	43.6	5.1	Click
28	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	46.7	5,316	8.8	1.8	Click
29	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.5	1,816	14.6	2.1	Click
30	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.0	3,258	7.1	1.1	Click
31	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.2	4,105	26.4	9.3	Click
32	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.1	6,870	3.7	1.3	Click
33	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.1	4,752	5.7	1.2	Click
34	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	67.5	5,241	12.9	2.7	Click
35	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	26.5	3,109	8.5	1.7	Click
36	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	45.5	5,130	8.9	1.5	Click
37	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	61.4	3,674	16.7	2.6	Click
38	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	26.3	1,179	22.3	1.3	Click
39	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.8	2,066	12.0	1.8	Click
40	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.3	1,412	8.0	0.7	Click
41	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.6	1,918	10.7	1.5	Click
42	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.5	5,405	19.0	4.0	Click
43	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.8	1,966	7.5	0.9	Click
44	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.9	4,313	7.9	1.6	Click
45	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	262.9	14,782	17.8	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		X	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		X	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		X	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639